ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ngành: KINH TẾ

Mã ngành: 7310103

Thái Nguyên, 2018

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT&QTKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế

Mã ngành: 7310103

Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đối sánh: Kinh tế nông nghiệp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Văn bàng tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

Quy trình đào tạo: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo:

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

*** Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn cả về nghiên cứu, quản lý và chuyển giao khoa học kỹ thuật, góp phần xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững.

*** Mục tiêu cụ thể:** Đào tạo người học

1. Có hiểu biết sâu sắc về kinh tế nông nghiệp, có tư duy hệ thống, phân tích, trình bày được các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn;

2. Có khả năng thích ứng và học tập sáng tạo, có năng lực nghiên cứu khoa học thông qua hoạt động thực hành theo từng môn học cụ thể trong chuyên ngành như Kinh tế phát triển nông thôn; Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; Kinh tế nông hộ và trang trại…

3. Có khả năng phối hợp với các tổ chức kinh tế - xã hội, các cơ quan quản lý ngành, các viện nghiên cứu trong quản lý, chuyển giao công nghệ phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn;

4. Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn để phát triển chiến lược, xây dựng và thực hiện các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế cho các cơ quan, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

5. Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có kiến thức, kỹ năng và thái độ của công dân toàn cầu thể hiện qua tư duy và hành động có trách nhiệm xã hội, văn hóa cao, bản lĩnh vững vàng và thích ứng với môi trường năng động trong nền kinh tế thị trường.

4.2. Chuẩn đầu ra

4.1. Về kiến thức

1.1- Vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày; Hiểu và vận dụng đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.2- Hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản lý kinh tế, quản lý tài chính, quản trị trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và phát triển nông thôn; Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế học, kinh tế học phát triển để giải thích các vấn đề xã hội và đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

1.3- Sử dụng thành thạo các chương trình ứng dụng cơ bản trên máy tính cho công việc như phần mềm Word; Excel; powerpoint; Đạt chuẩn ngoại ngữ và tin học theo quy định của Đại học Thái Nguyên và của Trường Đại học Kinh tế &QTKD.

1.4- Vận dụng được một số kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực toán, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.5- Nắm được các kiến thức về các thành phần trong xã hội nông thôn, mối quan hệ giữa các thành phần và các yếu tố tác động đến các thành phần trong xã hội nông thôn; Xây dựng được kế hoạch trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nông nghiệp cũng như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực nông thôn một cách hiệu quả.

4.2. Về kỹ năng

2.1- Có năng lực ngoại ngữ về tiếng Anh ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo / bài phát biểu liên quan tới chủ đề kinh tế, nông nghiệp, nông thôn; viết được báo cáo bằng tiếng Anh với nội dung đơn giản; phát biểu ý kiến bằng tiếng Anh liên quan đến công việc chuyên môn; Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế &QTKD;

2.2- Tự tin trong giao tiếp; biết cách tổ chức giao tiếp, truyền đạt nội dung, vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn một cách chính xác, rõ ràng;

2.3- Sử dụng được các công cụ nghiên cứu kinh tế - xã hội nông thôn (PRA, RRA, KIP,...), phân tích được mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; xác định được vấn đề ưu tiên; xây dựng được chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; đề xuất được giải pháp và kiến nghị trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

2.4- Lập được bản kế hoạch, hoạch định mục tiêu; tổ chức và sắp xếp công việc; trao đổi, tập huấn cho nông dân và cán bộ nông thôn; đánh giá nguồn lực phát triển của cộng đồng trong nông thôn;

2.5- Phân tích và xử lý tốt những thông tin về công nghệ, kinh tế, thị trường liên quan tới sản phẩm nông nghiệp để có thể tự khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;

2.6 - Quan sát toàn diện, tìm kiếm các căn cứ khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề của sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập, biến đổi khí hậu, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, sáng tạo linh hoạt trong xử lý các công việc chuyên môn; bắt kịp những biến động của kinh tế thế giới; Trung thực trong công việc. Có tinh thần và trách nhiệm cao trong công tác và phục vụ cộng đồng nông thôn;

3.2- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, phù hợp với cơ chế mới mở cửa và hội nhập quốc tế, trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

3.3- Đề xuất được phương hướng phát triển sản xuất, kinh doanh có tính khả thi cao các sản phẩm nông nghiệp phù hợp với các vùng miền;

3.4- Vận dụng đúng các nguyên tắc kinh tế, quản lí các nguồn lực trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; Vận dung sáng tạo, linh hoạt những chính sách vào phát triển nông nghiệp - nông thôn.

**** Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)***

**** Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CĐR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)***

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã HP	Học phần	Số TC
		Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	**33**
1	MLP 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2
12	MAE131	Toán kinh tế	3
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
14	GIF131	Tin học đại cương	3
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần
2	**Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		
2.1	*Kiến thức cơ sở của khối ngành*		**6**
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3

20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3
2.2	*Kiến thức cơ sở của ngành*		**24**
	Bắt buộc		**21**
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3
25	GEM231	Marketing căn bản	3
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3
27	ECO231	Kinh tế lượng	3
	Tự chọn		**3**
28	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
30	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
2.3	*Kiến thức cơ sở của ngành chính*		**24**
	Bắt buộc		**18**
31	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3
32	PEC331	Kinh tế công cộng	3
33	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3
34	ENC331	Kinh tế môi trường	3
35	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3
36	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3
	Tự chọn		**6**
37	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3
38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3
39	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3
40	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3
2.4	*Kiến thức chuyên ngành*		**27**
	Bắt buộc		**21**
41	PAE331	Nguyên lý KTNN	3
42	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3
43	AGS331	Hệ thống nông nghiệp	3
44	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp	3

45	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	3
46	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	3
47	EXT331	Khuyến nông	3
	Tự chọn		**6**
48	NRC331	Xây dựng nông thôn mới	3
49	EXM331	Phương pháp khuyến nông	3
50	AGM331	Marketing nông nghiệp	3
51	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3
52	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3
53	PUA331	Quản lý công	3
54	IEC331	Kinh tế đầu tư I	3
55	AGF331	Tài chính nông nghiệp	3
56	INT331	Thương mại quốc tế	3
2.5	COP421	*Thực tập nghề nghiệp/môn học*	**2**
2.6	GRI441	*Thực tập tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp*	**10**
	Học phần tự chọn thay thế khóa luận (*)		
57	RUP331	Quy hoạch nông thôn	3
58	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông	3
59	SIA331	Thống kê nông nghiệp	3
60	SEP331	Quy hoạch tổng thể PT KT-XH	3
Tổng toàn khóa			**126**

Ma trận thể hiện sự đóng của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT KTNN&PTNT

1 = Mức độ đóng góp thấp; 2 = Mức độ đóng góp trung bình; 3 = Mức độ đóng góp cao

Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
	1.1	**1.2**	**1.3**	**1.4**	**1.5**	**2.1**	**2.2**	**2.3**	**2.4**	**2.5**	**2.6**	**3.1**	**3.2**	**3.3**	**3.4**
Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2										1	2			
Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	2										1	2			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						2				1		2		
Đường lối cách mạng Việt Nam	2										2	3			
Pháp luật đại cương		2		2											2
Tiếng Anh 1			1			1							1		
Tiếng Anh 2			1			1							1		
Tiếng Anh 3			1			1							1		
Tiếng Anh 4			2			2							1		
Tiếng Anh 5			2			3							1		
Tiếng Anh 6			3			3							1		
Toán kinh tế				2				2							2
Lý thuyết xác suất và thống kê toán				2				2							2
Tin học đại cương			2			2				2					
Giáo dục thể chất 1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Giáo dục thể chất 2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Giáo dục quốc phòng	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Kinh tế vi mô 1		2								1					2
Kinh tế vĩ mô 1		2								1					2

Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
	1.1	**1.2**	**1.3**	**1.4**	**1.5**	**2.1**	**2.2**	**2.3**	**2.4**	**2.5**	**2.6**	**3.1**	**3.2**	**3.3**	**3.4**
Quản trị học		2								1		2			
Tài chính - tiền tệ 1		2								2		2			
Nguyên lý thống kê		2						2						2	
Nguyên lý kế toán		2					2								2
Marketing căn bản		2						2		2			2		
Luật Kinh tế (căn bản)		2													2
Kinh tế lượng				2						1					1
Địa lý kinh tế Việt Nam					2					2	2	2		2	
Phương pháp nghiên cứu khoa học	1			2				2	2			2			
Lịch sử các học thuyết kinh tế		1							1			1			
Kinh tế vi mô 2		2									2				2
Kinh tế công cộng		2									2			3	
Kinh tế và chính sách phát triển vùng		2									3		3		
Kinh tế môi trường		2									2				2
Kinh tế bảo hiểm		1									2			2	
Lập và phân tích dự án đầu tư		2		2					2	2					3
Kinh tế thương mại và dịch vụ		1		2						2	2		2		
Kinh tế vĩ mô 2		2		2							2				2
Kinh tế phát triển 1		1		2							2	2			
Kế toán doanh nghiệp		1		2											
Nguyên lý kinh tế nông nghiệp		2			2				2		3	3	3	3	3
Kinh tế phát triển nông thôn		2			3				3		3	3	3	3	3
Hệ thống nông nghiệp		2			3				3					3	3

Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
	1.1	**1.2**	**1.3**	**1.4**	**1.5**	**2.1**	**2.2**	**2.3**	**2.4**	**2.5**	**2.6**	**3.1**	**3.2**	**3.3**	**3.4**
Phân tích chính sách nông nghiệp		1			3									2	2
Kinh tế nông hộ và trang trại		1			3		3	3	3			2	2	2	2
Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		1			3		3	3				2	2	3	3
Khuyến nông		1			3		3	3	3			3	3	3	3
Xây dựng nông thôn mới		1			3		3	3	3			2	2	2	2
Phương pháp khuyến nông		1			3		3	3	3			2	2	2	2
Marketing nông nghiệp		1			2			1				1	1	2	1
Quản trị kinh doanh nông nghiệp		1			2			3				2	2	2	2
Quản lý dự án đầu tư		1			2				2					1	
Quản lý công		1			1								2		
Kinh tế đầu tư I		1			1									2	2
Tài chính nông nghiệp		1			3					2				2	
Thương mại quốc tế		1			2	2		2	2	2	2		2	2	
Quy hoạch nông thôn		2			3			3	3	3				3	3
Tổ chức công tác khuyến nông		1			3										2
Thống kê nông nghiệp		1		2	3				2			2			
Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội		1			1				2						3
Thực tập môn học	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Thực tập tốt nghiệp	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	**Phần Kiến thức giáo dục đại cương**		**33**	
1	MPL 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP132; MLE121; SSO121
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	-
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	-
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	-
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121; ENG122
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG123
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG124
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG125
12	MAE131	Toán kinh tế	3	PST131
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-
14	GIF131	Tin học đại cương	3	-
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	-
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011; PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	*Kiến thức cơ sở của khối ngành*		**6**	
1	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	-
2	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	-

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
2.2		*Kiến thức cơ sở của ngành*	**24**	
		Bắt buộc	**21**	
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	-
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231, MPL 121
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	PST131, MAE131
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	-
25	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	-
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	-
	Tự chọn		**3**	
28	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	-
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
30	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	-

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
2.3		*Kiến thức cơ sở của ngành chính*	**24**	
		Bắt buộc	**18**	
31	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	IE231
32	PEC331	Kinh tế công cộng	3	-
33	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	-
34	ENC331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
35	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	-
36	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231
	Tự chọn		**6**	
37	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	-

38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	MIE231; MAE231
39	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	-
40	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	ACT231

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
2.4		*Kiến thức chuyên ngành*	**27**	
		Bắt buộc	**21**	
41	PAE331	Nguyên lý KTNN	3	-
42	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	-
43	AGS331	Hệ thống nông nghiệp	3	-
44	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	-
45	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	3	-
46	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	3	-
47	EXT331	Khuyến nông	3	-
	Tự chọn		**6**	
48	NRC331	Xây dựng nông thôn mới	3	-
49	EXM331	Phương pháp khuyến nông	3	-
50	AGM331	Marketing nông nghiệp	3	GEM231; MAN231
51	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3	-
52	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	PAP331
53	PUA331	Quản lý công	3	
54	IEC331	Kinh tế đầu tư I	3	MIE231; MAE231
55	AGF331	Tài chính nông nghiệp	3	FAM231
56	INT331	Thương mại quốc tế	3	-

7.2.5. Thực tập môn học

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
2.5	COP421	*Thực tập nghề nghiệp/môn học*	**2**	-

7.2.6. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
2.6	GRI441	*Thực tập tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp*	10	-
		Học phần tự chọn thay thế khóa luận (*)		
57	RUP331	Quy hoạch nông thôn	3	-
58	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông	3	-
59	SIA331	Thống kê nông nghiệp	3	PRS231
60	SEP331	Quy hoạch tổng thể PT KT-XH	3	DEC 331

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

Các học phần thuộc phần kiến thức đại cương

1 <Những NL CB của CN Mác-Lênin 1><MPL 121> <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1) là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, biểu hiện bằng những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản, chung nhất trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua học tập, nghiên cứu học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1), trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp họ tự giác trong quá trình nhận thức và hành động, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của bản thân.

2 <Những NL CB của CN Mác-Lênin 2><MPL 131> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

Môn học tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành bởi ba bộ phận lý luận cơ bản có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học đã được nghiên cứu ở Học phần I, đến Học phần II, người học sẽ được tiếp cận với Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Căn cứ vào mục tiêu học phần, học phần II được cấu trúc thành 2 phần với 6 chương nối tiếp học phần I.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng

3. <Tư tưởng Hồ Chí Minh><HCM121> <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4 <Đường lối cách mạng Việt Nam> <VCP131> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:

Môn học tiên quyết:

Môn học song hành:

Tóm tắt nội dung môn học:

5. <Pháp luật đại cương> <LAW121 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

6. <Tiếng Anh 1> < ENG121 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

7 . <Tiếng Anh 2> << ENG122 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Tiếng Anh 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những

thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

8. <Tiếng Anh 3> < ENG123 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Tiếng Anh 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

9. <Tiếng Anh 4> < ENG124 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Trong môn học này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ.* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

10. <Tiếng Anh 5> < ENG125 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Trong môn học này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm.* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

11. <Tiếng Anh 5> < ENG126 > <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(24/12/72)

Trong đó: 24 tiết lý thuyết trên lớp; 12 tiết thảo luận/thực hành; 72 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4,5

Môn học tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4,5

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Trong môn học này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm.* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

12. <Toán kinh tế> <MAE131> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

13. <Lý thuyết xác suất và thống kê toán > <PST131><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Toán kinh tế

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học lý thuyết xác suất và thống kê toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

14. <Tin học đại cương > <GIF131> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng

tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

15. <Giáo dục thể chất 1> <PHE011> <1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 4 tiết lý thuyết trên lớp; 26 tiết thảo luận/thực hành; 60 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Giáo dục thể chất 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Môn học này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. <Giáo dục thể chất 2> <PHE012> <1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1(4/26/60)

Trong đó: 4 tiết lý thuyết trên lớp; 26 tiết thảo luận/thực hành; 60 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: GDTC 1

Môn học tiên quyết: GDTC 1

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học GDTC 2 là môn học giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. <Giáo dục thể chất 3> <PHE013> <1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 1(4/26/60)

Trong đó: 4 tiết lý thuyết trên lớp; 26 tiết thảo luận/thực hành; 60 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: GDTC 1 và GDTC 2

Môn học tiên quyết: GDTC 1

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ

bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. <Giáo dục quốc phòng>

Các học phần thuộc Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

19. < Kinh tế học vi mô 1> <MIE231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. < Kinh tế học vĩ mô 1> <MAE231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế học vĩ mô 1 là môn học cơ sở của khối ngành kinh tế. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ… nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

21< Quản trị học (căn bản) > <MAN231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Quản trị học là một môn học cơ sở trong chương trình đào tạo đại học các khối trường kinh tế. Đây là một môn khoa học nghiên cứu các vấn đề chi phối đến tính hiệu quả của lao động tập thể trong một tổ chức. Quản trị học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Nghiên cứu về QTH sẽ mang lại một số lợi ích sau cho người học:

- Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị

- Giúp cho người học vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị

- Chuẩn bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị…

Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ...

22 < Tài chính - tiền tệ 1 > <FAM231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

23. < Nguyên lý thống kê > <PSE231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

24. < Nguyên lý kế toán> <ACT231> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

25 < Marketing căn bản > <GEM231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Môn học tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing.Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh.Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường.Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính

sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

26 < Luật Kinh tế (căn bản) > <ELA231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Pháp luật đại cương

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn Luật kinh tế là môn học bắt buộc cho tất cả các chuyên ngành đào tạo thuộc khối ngành kinh tế của trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế; Vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; Hợp đồng trong quan hệ kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, Pháp luật về Phá sản; Pháp luật Lao động...

Những kiến thức về pháp luật kinh tế sẽ giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản và cần thiết nhất, là công cụ hỗ trợ hữu hiệu cho sinh viên sau khi ra trường để có thể làm việc và khởi nghiệp. Những kiến thức này sẽ giúp sinh viên tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình

27. < Kinh tế lượng > <ECO231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro… với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

28. < Địa lý Kinh tế Việt Nam > <VGE231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung; vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế; sự phân bố cụ thể của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam; giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

29. < Phương pháp nghiên cứu khoa học > <SRM231> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Nguyên lý thống kê

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

30. < Lịch sử các học thuyết kinh tế > <HET231 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; Giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và nhất là ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

31. < Kinh tế học vi mô 2> <MIE332> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, học phần còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro.

32. < Kinh tế công cộng > < PEC331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế công cộng nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của học phần kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

33. < Kinh tế và chính sách phát triển vùng > <ERP331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng; Phát triển các vùng kinh tế cần dựa trên trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển

biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước.

34. < Kinh tế môi trường > <ENC331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về môi trường, phát triển bền vững, kinh tế tài nguyên thiên nhiên và kinh tế ô nhiễm môi trường. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường (tiêu chuẩn môi trường, thuế, phí phát thải…). Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, là cơ sở xây dựng chính sách quản lý tài nguyên, môi trường hiệu quả.

35. < Kinh tế bảo hiểm> < ISE331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế bảo hiểm nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp.

36. < Lập và phân tích dự án đầu tư> <PPA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Lập và phân tích dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận về lập dự án đầu tư phát triển. Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích dự án, bao gồm các nội dung: Một

số vấn đề lý luận chung đầu tư, dự án đầu tư; Trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án đầu tư; Nội dung chủ yếu phân tích các khía cạnh tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực của dự án đầu tư. Qua học phần giúp cho người học có thể soạn thảo dự án đầu tư, phân tích tính khả thi dự án, hoàn thành khả năng tư duy và xử lý các tình huống trong lập dự án đầu tư.

37. < Kinh tế thương mại và dịch vụ > < ETS331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế.

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp các nội dung: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Tìm hiểu các chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý như thế nào để quản lý ngành thương mại có hiệu quả của nhà nước. Phần cuối học phần đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

38. < Kinh tế vĩ mô 2> < MAE332 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế vĩ mô 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập… Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân.

39. < Kinh tế phát triển > < DEC331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế phát triển nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.

40. < Kế toán doanh nghiệp > < BUA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:Không

Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán,

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần kế toán doanh nghiệp là học phần tự chọn cho các khối sinh viên ngoài ngành kế toán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phần hành kế toán cơ bản. Học phần KTDN được kết cấu theo 6 chương bao gồm: Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp về lựa chọn chứng từ, lập định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần này còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả giúp sinh viên phát hiện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến công việc kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất. Đây là học phần học sau học phần Nguyên lý kế toán,...

41. < Nguyên lý Kinh tế Nông nghiệp > <PAE331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức về Kinh tế nông nghiệp, thị trường nông nghiệp, các nguyên lý hoạt động của cơ chế thị trường trong nông nghiệp. Vấn đề phát triển bền vững, đặc biệt là phát triển nông nghiệp bền vững. Học phần còn cung cấp các thông tin về những định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trong ngành nông nghiệp Việt Nam để góp phần vào việc thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

42. < Kinh tế phát triển nông thôn > <RDE331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Kinh tế phát triển nông thôn cung cấp những kiến thức cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, cụ thể: quan hệ giữa nông thôn và thành thị trong phát triển kinh tế, quan điểm và phương hướng phát triển nông thôn ở nước ta. Cơ cấu kinh tế nông thôn. Các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn như nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn. Những vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn …

43 < Hệ thống nông nghiệp > <AGS331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Hệ thống nông nghiệp cung cấp các nội dung cốt lõi sau: Hệ thống hoá khái niệm chung về hệ thống nông nghiệp, tính bền vững của hệ thống nông nghiệp; Ưu, nhược điểm của từng loại hệ thống nông nghiệp và sự phù hợp của chúng đối với các vùng đất khác nhau Các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Mối quan hệ giữa hệ thống xã hội và hệ thống sản xuất; Mối quan hệ giữa các thành phần trong nội bộ hệ thống nông nghiệp. Quan điểm và cách tiếp cận trong nghiên cứu hệ thống bền vững và định hướng ngành nông nghiệp trong tương lai.

44. < Phân tích chính sách nông nghiệp > <APA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, vai trò, tác động của chính sách nông nghiệp ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đồng thời giới thiệu một số chính sách chủ yếu trong nông nghiệp Việt Nam như chính sách đất đai, chính sách khuyến nông, xóa đói giảm nghèo và hệ thống văn bản chính sách hiện nay tại Việt Nam. Học phần còn giúp sinh viên vận dụng những

kiến thức đã học vào phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp như: Phân tích phúc lợi kinh điển và ma trận phân tích chính sách (mô hình PAM). …

45. < Kinh tế nông hộ và trang trại> <FHE331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học gồm 2 nội dung lớn là cung cấp những khái niệm chung về nông hộ, trang trại; Nghiên cứu về nguồn lực của nông hộ, của trang trại; các nguyên lý kinh tế ứng dụng, cách thức quản trị, quản lý kinh tế của nông hộ, và của trang trại; Lịch sử phát triển kinh tế trang trại ở thế giới, thực trạng, quan điểm, chính sách phát triển của kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại nước ta.

46. < Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp > <CEA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử kinh tế hợp tác và phong trào hợp tác xã trên thế giới, khuôn khổ pháp lý của hợp tác xã nông nghiệp, hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nhiệm vụ, nội dung và phương thức hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, vai trò và công cụ quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân nói chung và kinh tế hợp tác nói riêng, các giải pháp cơ bản đề phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp Việt Nam.

47. < Khuyến nông> <EXT331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học giúp cho sinh viên hiểu được công tác khuyến nông có vai trò như một công cụ để thực hiện chính sách của nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; cung cấp những nguyên tắc cơ bản của khuyến nông; những kỹ năng cơ bản của người cán bộ khuyến nông cần phải có; cách thức tổ chức và đào

tạo trong khuyến nông; lập kế hoạch khuyến nông, đánh giá chương trình khuyến nông có sự tham gia của người dân; các nội dung khuyến nông với người nghèo, với phụ nữ.

48. < Xây dựng nông thôn mới > <NRC331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn); về nội dung của chương trình xây dựng nông thôn mới; quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới; môi trường và phát triển bền vững trong xây dựng nông thôn mới; ứng dụng và chuyển giao khoa học-công nghệ trong xây dựng nông thôn mới; phát triển nguồn nhân lực cho xây dựng nông thôn mới; và các hình thức tổ chức kinh doanh trong xây dựng nông thôn mới.

49. < Phương pháp khuyến nông> <EXM331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học giúp cho sinh viên hiểu được phương pháp khuyến nông, bao gồm phương pháp cá nhân, phương pháp nhóm và phương pháp khuyến nông qua phương tiện thông tin đại chúng. Môn học còn giúp hiểu được các mạng lưới phương pháp khuyến nông rộng lớn từ trung ương đến cơ sở (Phương pháp khuyến nông nhà nước, phương pháp khuyến nông tự nguyện và các tổ chức phương pháp khuyến nông phi chính phủ).

50. < Marketing nông nghiệp > <AGM331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: marketing căn bản

Môn học tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Marketing nông nghiệp có vai trò rất quan trọng để giúp cho các nhà quản lý, các doanh nghiệp nông nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng cường khả năng cạnh tranh, nhất là trong quá trình nước ta hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức. Vận dụng những

kiến thức cơ bản về marketing vào trong lĩnh vực nông nghiệp, thể hiện rõ những đặc điểm và điều kiện ứng dụng marketing vào trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chìa khoá để đạt được những mục tiêu trong kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp là phải xác định đúng những nhu cầu và mong muốn của thị trường (khách hàng) mục tiêu từ đó để tìm mọi cách đảm bảo thoả mãn nhu cầu và mong muốn đó bằng những phương thức có ưu thế hơn so với đối thủ cạnh tranh.

Ứng dụng marketing nông nghiệp trong kinh doanh tất nhiên phải tính đến khả năng sinh lời và tìm cách gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp nông nghiệp. Nhưng điểm khác biệt mấu chốt liên quan đến việc tìm cách tăng lợi nhuận của quan điểm marketing nông nghiệp là ở chỗ: Việc tăng lợi nhuận chỉ đặt ra trên cơ sở tăng mức độ thoả mãn nhu cầu của khách hàng

51. <Quản trị kinh doanh nông nghiệp> <ABA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Quản trị Kinh doanh nông nghiệp là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành có nhiệm vụ nghiên cứu và áp dụng các quy luật của sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp; đề cập những kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý kinh doanh nông nghiệp và tổng kết các kinh nghiệm thực tế trong, ngoài nước về tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nông nghiệp. Có thể nói đây là những yếu tố cơ bản quyết định đến sự thành công của doanh nghiệp nông nghiệp.

Môn học đề cập đến các nội dung sau: Tổng quan về quản trị kinh doanh nông nghiệp, các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường, Cung Cầu và Phương hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp, kế hoạch trong doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức và sử dụng các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức các ngành kinh doanh, tiêu thụ và phân phối tổng sản phẩm, hạch toán và phân tích kinh doanh trong DNNN.

52. < Quản lý dự án đầu tư > <PRM331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Lập và Phân tích dự án đầu tư

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Quản lý dự án đầu tư nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án đầu tư. Nhiệm vụ chính của học phần là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

53. < Quản lý công> <PUA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Quản lý kinh tế 1, quản lý kinh tế 2

Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Môn học song hành:

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Quản lý công là một môn học cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực quản lý công. Nội dung của môn học tập trung nghiên cứu các vấn đề: khái niệm về khu vực công, khoa học quản lý công, ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học quản lý công, chức năng quản lý của khu vực công, xu thế phát triển của khu vực công, các chủ thể và phương pháp quản lý trong khu vực công, nội dung quản lý của khu vực công, và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khu vực công. Cùng với việc cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản lý công thì môn học cũng giúp cho người học hình thành được những kỹ năng cần thiết của một cán bộ quản lý nói chung và cán bộ làm công tác quản lý công nói riêng.

54. < Kinh tế đầu tư I> <IEC331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như khái niệm, bản chất, vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời học phần cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

55. < Tài chính nông nghiệp> < AGF331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước:Không

Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ 1

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tổ chức tài chính nông nghiệp. Nội dung nghiên cứu bao gồm:

- Tổng quan về tài chính và tài chính nông nghiệp
- Giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro
- Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn
- Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư
- Thị trường tài chính

56. <Thương mại quốc tế> <INT331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Không

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Thương mại quốc tế tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến bản chất của thương mại quốc tế, những đặc trưng, chức năng, nhiệm vụ của thương mại quốc tế, nội dung hoạt động cùng với quá trình vận dụng sáng tạo các lý thuyết cơ bản của thương mại quốc tế. Đồng thời môn học cũng cung cấp những kiến thức về tự do hóa thương mại, lý giải xu hướng giảm dần đi đến xóa bỏ các hàng rào thuế quan, phi thuế quan và hình thành các liên kết kinh tế trong thương mại quốc tế.

Cụ thể, mô học cung cấp những kiến thức liên quan đến : Những vấn đề chung về thương mại quốc tế ; Một số lý thuyết cổ điển tân cổ điển, lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế ; Các hàng rào thương mại quốc tế ; Liên kết kinh tế quốc tế trong thương mại quốc tế.

Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là các sinh viên khối trường kinh tế và những người có quan tâm.

57. < Quy hoạch nông thôn > <RUP331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Quy hoạch nông thôn cung cấp cho sinh viên có được những luận điểm, hiểu được những đặc trưng cơ bản về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thấy rõ được tính chất phức tạp trong các dự án phát triển nông thôn, ý nghĩa và tầm quan trọng của quy hoạch phát triển nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các nguyên lý, mục đích, yêu cầu, nội dung cơ bản, phương pháp và trình tự lập quy hoạch phát triển nông thôn toàn diện. học phần cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng trong công tác thực hiện quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội ở các địa phương, các vùng trên cả nước.

58. < Tổ chức công tác khuyến nông> < OAE331> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức về tổ chức công tác khuyến nông, bao gồm: Tổ chức hệ thống khuyến nông; Hệ thống khuyến nông Việt Nam, tổ chức hệ thống khuyến nông nhà nước, tổ chức hệ thống khuyến nông cơ sở; tổ chức nguồn lực cho khuyến nông; kế hoạch khuyến nông, sự tham gia của nông dân trong khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông, phương pháp đánh giá hiệu quả khuyến nông.

59. < Thống kê Nông nghiệp > <SIA331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: Nguyên lý thống kê

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Thống kê nông nghiệp trang bị những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê trong nông nghiệp như: Thống kê các tư liệu sản xuất chủ yếu (đất đai, TSCĐ, lao động…); Thống kê sản xuất ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi; Thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp nông nghiệp thông qua tính toán các chỉ tiêu như GO, VA, NVA, doanh thu, lợi nhuận ...; Phương pháp dự báo thống kê; Phương pháp tính các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương pháp đánh giá hiệu quả SXKD của doanh nghiệp nông nghiệp.

60. < Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội> < SEP331 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(36/18/108)

Trong đó: 36 tiết lý thuyết trên lớp; 18 tiết thảo luận/thực hành; 108 số tín chỉ tự học.

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành:không

Tóm tắt nội dung môn học: Môn học Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH cung cấp cho người học các kiến thức về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, các lý thuyết phát triển KT-XH và tổ chức không gian các hoạt động KT-XH hợp lý trên lãnh thổ nhất định trong một thời gian xác định. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng trong công tác thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, lĩnh vực và các vùng.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

- Trung tâm ngoại ngữ tin học, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

10.2. Thư viện, trang Web

- Trung tâm thông tin thư viện, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (http://elib.tueba.edu.vn/)

- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên (http://lrc.tnu.edu.vn/)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA

TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A:

1. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Cử nhân Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.2
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.4
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.5
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.4
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.5
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.6
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.3
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.2
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.1
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	3.1
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.3

Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.2
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.4

2. Ma trận đánh giá mức độ đáp ứng của CĐR đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng; *Mức 3: Đáp ứng đầy đủ;*

Mức 2: Đáp ứng một phần; *Mức 4: Vượt hơn yêu cầu;*

Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn	**Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường**	**Yêu cầu của nhà sử dụng lao động**
Kiến thức		
1.1	3	3
1.2	3	3
1.3	3	3
1.4	3	3
1.5	3	4
Kỹ năng		
2.1	3	3
2.2	3	3
2.3	3	3
2.4	3	3
2.5	3	3
2.6	3	3
Mức tự chủ và trách nhiệm		
3.1	3	3
3.2	3	3
3.3	3	3
3.4	3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ &QTKD
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước ban hành; ý kiến của Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên…, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hiện có, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trong nước gồm Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của trường Đại học Cần Thơ và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2.2. Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Nhà trường với các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và các cựu sinh viên.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT Kinh tế NN-PTNT - TUEBA	CĐR CTĐT Kinh tế nông nghiệp - ĐH Cần Thơ	CĐR CTĐT Kinh tế nông nghiệp – Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X – 100%	X – 100%	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 100%	X – 80%	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 80%	X – 80%	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 90%	
1.5	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 90%	

2.1	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
2.2	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
2.3	X – 70%	X – 80%	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 70%	X – 80%	X – 80%	X – 90%	
2.5	-	X – 50%	X – 80%	X – 80%	
2.6	X – 100%	X – 100%	X – 80%	X – 80%	
3.1	X –80%	X – 90%	X – 90%	X – 90%	
3.2	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
3.3	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
3.4	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Nhà trường được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA

TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ &QTKD
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Mục tiêu: Nhằm đối sánh chương trình đào tạo do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước ban hành; ý kiến của Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên…, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh chương trình đào tạo hiện có, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. ***Nội dung đối sánh bên ngoài:*** Đối sánh và tham chiếu chương trình đào tạo trong nước gồm chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của trường Đại học Cần Thơ và chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2.2. Nội dung đối sánh bên trong: Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Nhà trường với các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và các cựu sinh viên.

3. Đánh giá chung

Về cơ bản Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Nhà trường được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA

TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên học phần	TT	Tên học phần
1	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	31	Kinh tế vi mô 2
2	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	32	Kinh tế công cộng
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	33	Kinh tế và chính sách PT vùng
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	34	Kinh tế môi trường
5	Pháp luật đại cương	35	Kinh tế bảo hiểm
6	Tiếng Anh 1	36	Lập và phân tích dự án đầu tư
7	Tiếng Anh 2	37	Kinh tế thương mại và dịch vụ
8	Tiếng Anh 3	38	Kinh tế vĩ mô 2
9	Tiếng Anh 4	39	Kinh tế phát triển 1
10	Tiếng Anh 5	40	Kế toán doanh nghiệp
11	Tiếng Anh 6	41	Nguyên lý KTNN
12	Toán kinh tế	42	Kinh tế phát triển nông thôn
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	43	Hệ thống nông nghiệp
14	Tin học đại cương	44	Phân tích chính sách nông nghiệp
15	Giáo dục thể chất 1	45	Kinh tế nông hộ và trang trại
16	Giáo dục thể chất 2	46	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp
17	Giáo dục thể chất 3	47	Khuyến nông
18	Giáo dục quốc phòng	48	Xây dựng nông thôn mới
19	Kinh tế vi mô 1	49	Phương pháp khuyến nông
20	Kinh tế vĩ mô 1	50	Marketing nông nghiệp
21	Quản trị học (căn bản)	51	Quản trị kinh doanh nông nghiệp
22	Tài chính - tiền tệ 1	52	Quản lý dự án đầu tư
23	Nguyên lý thống kê	53	Quản lý công
24	Nguyên lý kế toán	54	Kinh tế đầu tư I
25	Marketing căn bản	55	Tài chính nông nghiệp
26	Luật Kinh tế (căn bản)	56	Thương mại quốc tế
27	Kinh tế lượng	57	Quy hoạch nông thôn
28	Địa lý kinh tế Việt Nam	58	Tổ chức công tác khuyến nông
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	59	Thống kê nông nghiệp
30	Lịch sử các học thuyết kinh tế	60	Quy hoạch tổng thể PT KT-XH

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT&QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kinh tế **Chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp và PTNT**

Mã ngành:7310101 **Thời gian đào tạo: 4 năm**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
I.	**PHẦN KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG**		**33**										
1	MPL 121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	24	12	**2**							
2	MLP 131	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	36	18		**3**						
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12			**2**					
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	36	18				**3**				
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	**2**							
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	**2**							
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		**2**						
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			**2**					
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				**2**				
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					**2**			
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	24	12						**2**		
12	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18	**3**							
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18		**3**						
14	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18	**3**							
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			**x**							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				**x**						

17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					**x**					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					**x**					
II	**KHỐI KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP**												
II.1	**KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA KHỐI NGÀNH**		**6**										
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	36	18	**3**							
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	36	18		**3**						
II.2	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**		**24**										
	Bắt buộc		**21**	**252**	**126**								
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	36	18		**3**						
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	36	18		**3**						
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			**3**					
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			**3**					
25	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18			**3**					
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	36	18				**3**				
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18				**3**				
	Tự chọn		**3**						**3**				
28	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	36	18								
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	18								
30	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18								
II.3	**KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH CHÍNH**		**24**	**216**	**90**								
	Bắt buộc		**18**	**216**	**90**								
31	MIE332	Kinh tế vi mô 2	3	36	18			**3**					
32	PEC331	Kinh tế công cộng	3	36					**3**				
33	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	36	18					**3**			

34	ENC331	Kinh tế môi trường	3	36	18					**3**			
35	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	36	18					**3**			
36	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	36	18					**3**			
	Tự chọn		**6**								**6**		
37	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	36	18								
38	MAE332	Kinh tế vĩ mô 2	3	36	18								
39	DEC331	Kinh tế phát triển 1	3	36	18								
40	BUA331	Kế toán doanh nghiệp	3	36	18								
II.4	**KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**		**27**	**252**	**126**								
	Bắt buộc		**21**	**252**	**126**								
41	PAE331	Nguyên lý KTNN	3	36	18					**3**			
42	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	36	18						**3**		
43	AGS331	Hệ thống nông nghiệp	3	36	18							**3**	
44	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	36	18							**3**	
45	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	3	36	18						**3**		
46	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	3	36	18							**3**	
47	EXT331	Khuyến nông	3	36	18							**3**	
	Tự chọn		**6**									**6**	
48	NRC331	Xây dựng nông thôn mới	3	36	18								
49	EXM331	Phương pháp khuyến nông	3	36	18								
50	AGM331	Marketing nông nghiệp	3	36	18								
51	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3	36	18								
52	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	36	18								

53	PUA331	Quản lý công	3	36	18								
54	IEC331	Kinh tế đầu tư I	3	36	18								
55	AGF331	Tài chính nông nghiệp	3	36	18								
56	INT331	Thương mại quốc tế	3	36	18								
II.5	COP421	**THỰC TẬP MÔN HỌC**	**2**								**2**		
III	GRI441	**THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**	**4**										**4**
IV	THW964	**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**	**6**										**6**
	Học phần tự chọn thay thế khóa luận (*)												
57	RUP331	Quy hoạch nông thôn	3	36	18								
58	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông	3	36	18								
59	SIA331	Thống kê nông nghiệp	3	36	18								
60	SEP331	Quy hoạch tổng thể PT KT-XH	3	36	18								
TỔNG TOÀN KHÓA			**126**	**0**	**0**	**15**	**17**	**16**	**17**	**17**	**16**	**18**	**10**

(*) Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ lựa chọn 06 tín chỉ trong các học phần từ 57 đến 60.

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần